

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Loan

2. Ông Quách Đình Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1996; địa chỉ: Hẻm 248 LTT, phường IK, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Hẻm 248 LTT, phường IK, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14-4-2022, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T2 và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu năm 2014 chị T2 và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường IK, thành phố P, tỉnh G và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144 ngày 19-11-2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn là do anh T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình luôn khó khăn. Ngoài ra anh còn đánh đập, chửi bới chị. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù nhiều lần chị đã tha thứ, cố gắng hòa hợp nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị Nguyễn Thị Kim T2 yêu cầu được ly hôn đối với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Bùi Thiện N, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015 và Bùi Anh T3, sinh ngày 29 tháng

10 năm 2020. Nguyên vọng sau khi ly hôn của chị T2 là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung và nợ chung: Chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai của bị đơn và ý kiến trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 06-5-2022 và ngày 13-5-2022 bị đơn trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý với phần trình bày của chị T2 về điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên anh T không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T2.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị T2 có hai con chung là cháu Bùi Thiện Nhân, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015 và Bùi Anh T3, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2020. Trường hợp phải ly hôn thì anh T có nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thiện N và giao cháu Bùi Anh T3 cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về T sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim T2 làm đơn yêu cầu Tòa án nhân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị T2 đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là anh Bùi Văn T cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh T đến tham gia phiên tòa lần hai nhưng anh T vắng mặt, không có văn bản gửi cho Tòa án biết lý do vắng mặt của mình nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn T.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T2 và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IK, thành phố P, tỉnh G vào ngày 19-11-2014 trên

cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị T2 và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỗn phận người đó, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có động thái thuyết phục để hòa giải vợ chồng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã triệu tập anh T tham gia các phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim T2 và anh Bùi Văn T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T2 về việc ly hôn anh Bùi Văn T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T2 và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Thiện Nhân, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015 và Bùi Anh T3, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung ngày 10-5-2022, cháu Bùi Thiện Nhân có nguyện vọng được ở với chị T2, bản thân chị T2 có nguyện vọng được nuôi con.

Bản thân anh T có nguyện vọng nuôi con, tuy nhiên từ những mâu thuẫn các bên thừa nhận là anh T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt và có những hành vi đánh chị T2. Do đó, việc giao cháu Nhân cho anh T sẽ không đảm bảo. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T2 là chính đáng, đúng với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T2 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay chị T2 cho rằng mình đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về T sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Kim T được chấp nhận nên chị T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và

Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T2 được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thiện Nhân, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015 và Bùi Anh T3, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Kim T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001564 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị Kim T2 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THA dân sự Tp. Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND phường IK, Tp. P, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhân

